

Số: /QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Công nghệ Thông tin giảng dạy bằng tiếng Việt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-ĐHQG ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-ĐHQT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc phân công công tác các thành viên Ban Giám hiệu;

Căn cứ Biên bản họp số 222/BB-ĐHKH&ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau Đại học tại Tờ trình số 153/TTr-ĐTSDH ngày 30 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Công nghệ Thông tin giảng dạy bằng tiếng Việt, mã ngành đào tạo **8480204** tại Trường Đại học Quốc tế.

Điều 2. Chương trình đào tạo áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023 trở về sau.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trưởng khoa Khoa Công nghệ Thông tin, Trưởng đơn vị các đơn vị và các cá nhân có liên quan thuộc Trường Đại học Quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đinh Đức Anh Vũ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành Quản lý Công nghệ Thông tin giảng dạy bằng tiếng Việt
Áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT ngày 30 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)*

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Quản lý Công nghệ Thông tin;
- + Tiếng Anh: Information Technology Management.
- Mã ngành đào tạo: 8480204.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Chương trình đào tạo: Chương trình đơn ngành do Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) cấp 01 văn bằng.
- Phương thức đào tạo: Phương thức ứng dụng 1 (UD1).
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý Công nghệ Thông tin;
- + Tiếng Anh: Master of Information Technology Management.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

a) Về kiến thức: Bổ sung và nâng cao kiến thức về quản lý, quản trị hệ thống thông tin trên hệ thống nền tảng điện toán đám mây có sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong các ứng dụng thông minh, an ninh mạng. Đặc biệt là các kiến thức về phân tích, thiết kế và xây dựng các giải pháp cho tổ chức, doanh nghiệp.

b) Về kỹ năng: Tăng cường kỹ năng quản lý, vận hành, phân tích so sánh, đánh giá, thiết kế và triển khai các hệ thống thông tin, các dịch vụ ứng dụng thông minh. Đề xuất giải pháp thích hợp, lập kế hoạch cho các dự án công nghệ thông tin (CNTT).

c) Về năng lực: Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ Quản lý Công nghệ Thông tin có hiểu biết nền tảng về quản lý hệ thống thông tin và mạng máy tính, có năng lực phân tích thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống thông tin, có khả năng làm trưởng nhóm, trưởng dự án hay trưởng phòng CNTT cho các tổ chức hay công ty lớn. Ngoài ra, sau khi nghiệp, họ có thể đảm nhận các vị trí phân tích chiến lược trong các dự án đầu tư CNTT cho tổ chức, cơ quan đơn vị công tác.

d) Về nghiên cứu: Thạc sĩ Quản lý Công nghệ Thông tin có thể tiếp tục nghiên cứu theo các hướng: quản lý bảo mật hệ thống thông tin, thiết kế và xây dựng hệ thống thông

tin, cơ sở dữ liệu, khai phá dữ liệu.

đ) Khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

- Học viên tốt nghiệp có thể đóng vai trò là cán bộ quản lý kỹ thuật cấp cao, có khả năng làm trưởng nhóm, trưởng dự án hay trưởng phòng CNTT cho các tổ chức, doanh nghiệp.

- Học viên tốt nghiệp có năng lực lãnh đạo, tham gia, phối hợp hoặc quản lý các dự án về công nghệ thông tin trong các công ty tư nhân và cơ quan trong và ngoài nước.

- Học viên tốt nghiệp có thể trở thành các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trong các trường đại học, các viện nghiên cứu hoặc khu vực công nghiệp.

- Có khả năng tiếp tục học tập bậc tiến sĩ (trong và ngoài nước).

3. Yêu cầu đối với người học

Các yêu cầu với người học gồm:

- a) Phương thức tuyển sinh
- b) Điều kiện và đối tượng tuyển sinh
- c) Điều kiện tiếng Anh

Được quy định tại Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHQT.

4. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn tất chương trình học, học viên đạt một số chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (CDIO)
<i>CDR.1</i>	<i>Kiến thức và lập luận ngành</i>	
1.1	Có nền tảng kiến thức về phân tích, thiết kế, lập kế hoạch và triển khai dự án CNTT theo yêu cầu thực tế của đơn vị và khách hàng.	4.0
1.2	Có nền tảng kiến thức về vận hành, quản lý hệ thống, quản lý con người và tài nguyên trong dự án CNTT của tổ chức và doanh nghiệp	5.0
<i>CDR.2</i>	<i>Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp</i>	
2.1	Có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian Có ý thức bảo vệ môi trường, thiết kế và vận hành các hệ thống thân thiện môi trường.	4.0
<i>CDR.3</i>	<i>Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp</i>	
3.1	Các kỹ năng mềm cần thiết và giải quyết vấn đề. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo và kỹ năng quản lý. Có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh (ở mức thành thạo).	4.0

3.2	Có nhận thức rõ về tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và xã hội. Có phẩm chất chính trị tốt, sống và làm việc tuân theo pháp luật của nhà nước Việt Nam.	3.5
<i>CDR.4</i>	<i>Năng lực thực hành nghề nghiệp</i>	
4.1	Khả năng tự học và nghiên cứu hoặc tham gia các khóa bồi dưỡng để nắm bắt các công nghệ mới,	4.5
4.2	Đủ năng lực học tiếp sau đại học trong và ngoài nước.	3.0

Trình độ năng lực (theo CDIO)	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 -> 3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 -> 4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

5. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo dự kiến sẽ tham gia kiểm định theo chuẩn ABET, nên 6 chuẩn đầu ra (CDR) của ABET được xem xét đánh giá cho các mục tiêu đào tạo nói chung và các chuẩn đầu ra của từng môn học nói riêng. Danh sách 6 CDR theo ABET được xem xét trong chương trình đào tạo gồm:

Tiêu chuẩn	Nội dung
1	Phân tích một vấn đề tính toán phức tạp, và áp dụng các nguyên tắc tính toán và các nguyên tắc liên quan khác để xác định các giải pháp.
2	Thiết kế, thực hiện và đánh giá một giải pháp dựa trên tính toán để đáp ứng các yêu cầu tính toán nhất định trong bối cảnh của phạm vi chương trình.
3	Giao tiếp hiệu quả trong nhiều ngữ cảnh chuyên nghiệp.
4	Công nhận trách nhiệm nghề nghiệp và đưa ra các phán đoán thông tin trong thực tiễn máy tính dựa trên nguyên tắc pháp lý và đạo đức.
5	Chức năng có hiệu quả như một thành viên hoặc lãnh đạo của một nhóm tham gia vào các hoạt động phù hợp với phạm vi của chương trình.
6	Áp dụng lý thuyết khoa học máy tính và các nguyên tắc phát triển phần mềm để đưa ra các giải pháp dựa trên tính toán.

Ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các tiêu chuẩn ABET

CDR	Các tiêu chuẩn ABET					
	1	2	3	4	5	6
1.1	✓	✓				✓
1.2		✓				✓
2.1				✓		
3.1			✓		✓	
3.2				✓		
4.1					✓	
4.2					✓	

Ma trận tương quan giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình Thạc sĩ Quản lý công nghệ thông tin

Học kỳ	Tên môn học	Mã số môn học	Các tiêu chuẩn ABET					
			1	2	3	4	5	6
1	Triết (Philosophy)	PE505				x		
	Phân tích thiết kế và quản trị mạng máy tính (Computer network analysis, design and management)	IT501VN	x	x				x
	Phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise data analysis and design)	IT502VN	x	x				x
	Công nghệ mới trong kỹ thuật lập trình (New techniques in programming)	IT503VN	x	x				x
	Phương pháp luận NCKH (Research Methodology)	PE501VN	x		x	x		
	Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics)	PE502VN				x	x	
	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật nâng cao (Advanced Data Structures and Algorithms)	IT515VN	x	x				x
	Cơ sở dữ liệu nâng cao (Advanced Database)	IT518VN	x	x				x
	Đồ họa máy tính nâng cao (Advanced Computer Graphics)	IT516VN	x	x		x		x

2	Chuyển đổi số và quản trị dữ liệu doanh nghiệp (Digital transformation and enterprise data management)	IT546VN		x	x			x
2-3	Quản lý Hệ thống Thông tin (Information System Management)	IT542VN		x	x		x	x
	Quản lý dự án CNTT (Information Technology Project Management)	IT543VN		x	x	x	x	
	Phân tích, thiết kế, đánh giá và quản lý đầu tư dự án CNTT (Analysis, design, evaluation of IT Project Investment Management)	IT551VN		x		x	x	
	Xu hướng kiến trúc phần mềm (Software Architecture Trends)	IT521VN		x	x		x	x
	Khai phá dữ liệu trong quản trị thông minh (Data mining in intelligent management)	IT522VN	x	x	x			x
	Công nghệ mới trong ứng dụng web và di động (New techniques in Web Application and Mobile)	IT524VN	x	x				x
	Quản trị rủi ro và bảo mật Công nghệ thông tin (IT Risk and Security Management)	IT544VN	x	x			x	
	Xây dựng và vận hành internet vạn vật (Building and operating Internet of things)	IT533VN		x			x	x
	Chuyên đề 1, 2 (Special study)	IT547VN IT548VN	x	x	x			
4	Luận văn tốt nghiệp (Thesis)	IT561VN	x	x	x			x

6. Thời gian đào tạo, số tín chỉ yêu cầu

Phương thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Số tín chỉ yêu cầu
UD1	02 năm	61

7. Điều kiện tốt nghiệp

Được quy định tại Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHQT

8. Nội dung chương trình đào tạo

a) Khái quát chương trình

Phương thức đào tạo	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ				Luận văn
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Đề án, chuyên đề nghiên cứu	
			Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn		
UD1	61	3	30	16	0	12

b) Danh mục các môn học

**DANH MỤC CÁC MÔN HỌC CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG
PHƯƠNG THỨC 1 (UD1)**

TT	Mã môn học	Môn học	Khối lượng (số tín chỉ)			Học kỳ
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành / Thí nghiệm	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		3	3	0	
1	PE505	Triết (Philosophy)	3	3	0	1
II	KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC		30	24	6	
1	IT515VN	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật nâng cao (Advanced Data Structures and Algorithms)	4	3	1	1
2	IT518VN	Cơ sở dữ liệu nâng cao (Advanced Database)	4	3	1	
3	IT516VN	Đồ họa máy tính nâng cao (Advanced Computer Graphics)	4	3	1	
4	IT542VN	Quản lý Hệ thống Thông tin (Information System Management)	4	3	1	
5	IT502VN	Phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise data analysis and design)	4	3	1	
6	IT503VN	Công nghệ mới trong kỹ thuật lập trình (New techniques in programming)	2	2	0	
7	PE501VN	Phương pháp luận NCKH (Research Methodology)	2	2	0	
8	PE502VN	Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics)	2	2	0	

9	IT546VN	Chuyển đổi số và quản trị dữ liệu doanh nghiệp (Digital transformation and enterprise data management)	4	3	1	2
III	KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN (CHỌN 4 MÔN)		16	12	4	
1	IT501VN	Phân tích thiết kế và quản trị mạng máy tính (Computer network analysis, design and management)	4	3	1	2-3
2	IT543VN	Quản lý dự án CNTT (Information Technology Project Management)	4	3	1	
3	IT551VN	Phân tích, thiết kế, đánh giá và quản lý đầu tư dự án CNTT (Analysis, design, evaluation of IT Project Investment Management)	4	3	1	
4	IT521VN	Xu hướng kiến trúc phần mềm (Software Architecture Trends)	4	3	1	
5	IT522VN	Khai phá dữ liệu trong quản trị thông minh (Data mining in intelligent management)	4	3	1	
6	IT524VN	Công nghệ mới trong ứng dụng web và di động (New techniques in Web Application and Mobile)	4	3	1	
7	IT544VN	Quản trị rủi ro và bảo mật Công nghệ thông tin (IT Risk and Security Management)	4	3	1	
8	IT533VN	Xây dựng và vận hành internet vạn vật (Building and operating Internet of things)	4	3	1	
9	IT547VN	Chuyên đề 1 (Special study)	4	3	1	
10	IT548VN	Chuyên đề 2 (Special study)	4	3	1	
IV	LUẬN VĂN THẠC SĨ		12			
1	IT561VN	Luận văn (Thesis)	12			4
Tổng cộng			61			

Nhà trường tổ chức môn tiếng Anh có khối lượng là 04 tín chỉ và không tính tích lũy tín chỉ./.